

Số: 164/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 553/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025; Văn bản số 342/HĐND-KTNS ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số 504/BC-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số điều của Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

Thay thế cụm từ “ngân sách cấp huyện, xã” bằng cụm từ “ngân sách cấp xã”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng đối với các xã năm 2025.

Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông (theo loại đường và quy chuẩn tối thiểu để đạt chuẩn tiêu chí giao thông trong xây dựng nông thôn mới theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt), rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng. Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí mua xi măng theo kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, tối đa không quá 60 tỷ đồng”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phục hồi, nâng cấp mặt đường đối với các xã.

Hỗ trợ 30% kinh phí thực hiện phục hồi, nâng cấp 600 km mặt đường xuống cấp giai đoạn 2022-2025 (mỗi năm tối đa không quá 150 km) bằng vật liệu Cacboncor Asphalt hoặc bê tông nhựa hạt mịn hoặc phủ lớp vật liệu Microsufacing để phủ lên với mức hỗ trợ 55.000 đồng/m², kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 35 tỷ đồng/năm; khối lượng tính hỗ trợ theo diện tích thực tế và phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phần kinh phí còn thiếu do ngân sách cấp xã đảm bảo hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và Nhân dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố có tuyến đường đi qua đóng góp.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Tiền sử dụng đất

Thực hiện theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và Nghị quyết số 149/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung

của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hỗ trợ kinh phí làm mới đường giao thông, rãnh thoát nước và kênh mương nội đồng đối với các xã: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân.

Hỗ trợ 220 triệu đồng/km đối với đường trục xã, liên xã; 140 triệu đồng/km đối với đường trục thôn, liên thôn; 105 triệu đồng/km đối với đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng; 110 triệu đồng/km đối với rãnh thoát nước bên đường giao thông, kênh mương nội đồng” (ngoài chính sách hỗ trợ xi măng nêu trên)”.

6. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 18 như sau:

“d) Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã cân đối, bố trí các nguồn vốn từ ngân sách theo kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả”.

7. Bãi bỏ: Điều 10; Điều 11; Điều 13; Điều 15.

8. Thay thế Phụ lục Quy trình thực hiện, hồ sơ hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng Phụ lục Quy trình và hồ sơ hỗ trợ thực hiện năm 2025 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết số 124/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh mà các đối tượng đang thực hiện từ 01 tháng 7 năm 2025 đến trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được hỗ trợ thì được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH₂.

H

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục
QUY TRÌNH THỰC HIỆN, HỒ SƠ HỖ TRỢ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **164** 2025/NQ-HĐND
ngày **29** tháng **10** năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Rà soát, xác định, phê duyệt kế hoạch năm 2025

1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ kết quả thực hiện, kế hoạch được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi sắp xếp (hoặc theo Văn bản rà soát của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất về việc thực hiện cơ chế, chính sách trước khi sắp xếp); rà soát, kế hoạch đối với khối lượng, kinh phí còn lại phải thực hiện; tổng hợp, báo cáo khối lượng, kinh phí đã thực hiện đến hết ngày 30/6/2025 và khối lượng, kinh phí phải thực hiện theo từng lĩnh vực gửi về các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh trước ngày 30 tháng 10 năm 2025 (kèm Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc theo Văn bản rà soát đề xuất về thực hiện cơ chế, chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi sắp xếp). Trường hợp nhu cầu thực hiện chính sách từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025 (số kinh phí còn lại phải thực hiện) thay đổi so với kế hoạch đã được phê duyệt thì tổng hợp báo cáo đề xuất.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát kế hoạch của các xã, phường; các sở, ban, ngành theo lĩnh vực phụ trách thực hiện rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và kinh phí còn lại phải thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (bao gồm đề nghị điều chỉnh kế hoạch nếu có), cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện hỗ trợ xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình (Điều 4 Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND); hỗ trợ xi măng làm kênh mương nội đồng (khoản 5 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này).

b) Sở Xây dựng rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện xây dựng công trình vệ sinh tự hoại (Điều 5 Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND); hỗ trợ kinh phí phục hồi, nâng cấp mặt đường (khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này); hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước (khoản 5 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này).

c) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện hỗ trợ xây dựng thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (Điều 6), thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (Điều 9) của Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND. Đồng thời, tổng hợp chung kế hoạch chính sách của các địa phương (trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành), gửi Sở Tài chính để xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch kinh phí thực hiện cho các địa phương, đơn vị thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.

II. Phân bổ và giao kế hoạch

1. Căn cứ nguồn kinh phí thực hiện chính sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao Kế hoạch kinh phí thực hiện cho các địa phương, đơn vị thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.

2. Căn cứ kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách trên địa bàn, đồng thời thực hiện công khai kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch kịp thời, đúng quy định, định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách.

III. Cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ

1. Quy trình cấp kinh phí

Trên cơ sở kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí để các địa phương chủ động tổ chức thực hiện, cụ thể: cấp 100% kinh phí theo kế hoạch để thực hiện chính sách quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này; cấp 70% kinh phí theo kế hoạch đối với các chính sách còn lại.

Trước ngày 30 tháng 11 năm thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách (kèm theo quyết định phê duyệt hỗ trợ) theo từng lĩnh vực gửi các sở, ban, ngành liên quan rà soát và tổng hợp gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trên cơ sở kết quả thực hiện chính sách của các địa phương, các sở, ban, ngành theo lĩnh vực phụ trách thực hiện rà soát, tổng hợp gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 12. Trên cơ sở kết quả tổng hợp của các sở, ban, ngành phụ trách lĩnh vực, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh soát xét, tổng hợp lĩnh vực chính sách do Văn phòng phụ trách và tổng hợp chung kết quả thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND (bao gồm cả chính sách hỗ trợ xi măng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này và chính sách phục hồi, nâng cấp mặt đường tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này) gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 12 (Riêng chính sách hỗ trợ xi măng thực hiện theo quy định tại điểm đ Mục 5 Phần V).

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: cấp hỗ trợ phần kinh phí còn lại (nếu có) cho các địa phương, thu hồi số kinh phí còn thừa (nếu có) về ngân sách tỉnh theo quy định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định cấp kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho Ủy

ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Chậm nhất trước ngày 31 tháng 01 năm sau của năm thực hiện kế hoạch, các địa phương phải giải ngân hết kinh phí thực hiện chính sách và nộp trả ngân sách phần kinh phí còn thừa (nếu có). Riêng kinh phí mua xi măng phải hoàn thành việc thanh toán trước ngày 30 tháng 11 năm thực hiện.”

2. Công khai, minh bạch kết quả hỗ trợ; giải ngân kinh phí và quản lý hồ sơ hỗ trợ

a) Công khai, minh bạch chính sách hỗ trợ:

- Nội dung công khai: công khai kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách và kết quả phê duyệt hỗ trợ (cụ thể: đối tượng, nội dung và kinh phí hỗ trợ).

- Hình thức công khai: niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông qua Trưởng thôn để thông báo bằng văn bản cho Nhân dân biết.

- Thời gian công khai: chậm nhất 05 ngày sau khi nhận được các quyết định của cấp có thẩm quyền về giao kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách; quyết định phê duyệt hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân; thời gian công khai ít nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công khai.

b) Giải ngân kinh phí hỗ trợ: căn cứ quyết định phê duyệt hỗ trợ, nguồn kinh phí được cấp, Ủy ban nhân dân xã thông báo cho tổ chức, cá nhân được biết và thanh toán kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân kịp thời, đúng quy định chính sách.

c) Quản lý hồ sơ hỗ trợ: hồ sơ hỗ trợ được lưu trữ tại đơn vị thanh toán và các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

IV. Kiểm tra, giám sát: các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực được giao phụ trách thực hiện kiểm tra, giám sát (nếu cần thiết) về việc tổ chức thực hiện chính sách, kết quả thực hiện chính sách tại các địa phương, đơn vị theo quy định của Nghị quyết này.

V. Quy trình, hồ sơ hỗ trợ

1. Đối với hỗ trợ xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình

a) Quy trình thực hiện:

- Hộ gia đình đăng ký qua Trưởng thôn, Trưởng thôn tổng hợp danh sách các hộ của thôn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ của các đối tượng và hướng dẫn các hộ gia đình tổ chức thực hiện.

- Sau khi thực hiện hoàn thành, hộ gia đình báo cáo Trưởng thôn; Trưởng thôn tổng hợp danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp xã và trong thời hạn 03 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được danh sách Trưởng thôn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiệm thu công trình.

- Sau khi nghiệm thu, Ủy ban nhân dân cấp xã soát xét, tổng hợp danh sách các hộ đủ điều kiện hỗ trợ, phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ theo quy định.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Danh sách đăng ký, danh sách đề nghị hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình do Trưởng thôn lập và ký.

- Biên bản nghiệm thu công trình xử lý nước thải sinh hoạt của hộ gia đình hoàn thành đưa vào sử dụng (có chữ ký của các hộ được hỗ trợ, Trưởng thôn và đại diện lãnh đạo cấp xã).

- Quyết định phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối với hỗ trợ nhà vệ sinh tự hoại

a) Quy trình thực hiện:

- Hộ gia đình có Đơn đăng ký nộp cho Trưởng thôn, trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đăng ký, Trưởng thôn lập danh sách ký xác nhận và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị của Trưởng thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách các hộ đăng ký đủ điều kiện và thực hiện hướng dẫn các hộ gia đình tổ chức thực hiện xây dựng công trình quy mô mức tối thiểu phải bằng thiết kế mẫu công trình vệ sinh tự hoại hoặc hộ áp dụng mô hình nhà vệ sinh Dự án CHOBÁ.

- Sau khi thực hiện hoàn thành, hộ gia đình báo cáo Trưởng thôn để lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp xã và trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ thời gian nhận được danh sách đề nghị của Trưởng thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiệm thu công trình; sau khi nghiệm thu, định kỳ trước ngày 15 của tháng cuối quý, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách các hộ đủ điều kiện hỗ trợ, thực hiện phê duyệt đối tượng và kinh phí hỗ trợ theo quy định.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Danh sách đăng ký, danh sách đề nghị hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình do Trưởng thôn lập và ký.

- Biên bản nghiệm thu xây dựng công trình vệ sinh tự hoại hoàn thành, đưa vào sử dụng có các hạng mục đủ điều kiện để được hỗ trợ.

- Quyết định phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đối với xây dựng thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu:

a) Quy trình thực hiện:

- Bản đăng ký kế hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với thôn rà soát khối lượng, lập phương án dự toán kinh phí thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; thôn tổ chức họp dân bàn bạc kỹ lưỡng, thống nhất bằng biên bản; Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện, phê duyệt phương án, dự toán kinh phí thực hiện xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; tổ chức họp thôn thông qua phương án tổ chức triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đánh giá, nghiệm thu, tổng hợp kinh phí thực hiện và ban hành Quyết định công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo đúng quy định và báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, đơn đốc, hướng dẫn các thôn triển khai thực hiện các tiêu chí theo quy định; đồng thời kiểm tra, tổng hợp báo cáo tiến độ kết quả thực hiện theo quy định.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh về việc đề xuất hỗ trợ thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Quyết định công nhận thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Đối với thương xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

a) Quy trình thực hiện:

- Sau khi được cấp có thẩm quyền công bố quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí theo quy định.

- Căn cứ nguồn kinh phí được khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, Ủy ban nhân dân xã sử dụng tiền thưởng cho mục đích xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định.

b) Hồ sơ cấp kinh phí tiền thưởng:

- Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí tiền thưởng cho các xã theo quy định.

5. Đối với hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng; hỗ trợ kinh phí phục hồi, nâng cấp mặt đường

a) Rà soát, xác định, phê duyệt kế hoạch năm 2025

Thực hiện theo mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Đối với hỗ trợ xi măng: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định của pháp luật hiện hành tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở hồ sơ thiết kế mẫu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt.

- Đối với hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường: đối với các công trình có kỹ thuật tương đối phức tạp (phải xử lý nền mặt đường cũ, mặt đường cũ lồi lõm, cần phải đo đạc, khảo sát để tính toán khối lượng bù vênh) trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân cấp xã có thể thuê đơn vị tư vấn có năng lực để thực hiện khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành thẩm định, phê duyệt; trong đó, chi tiết nguồn kinh phí thực hiện: (nguồn vốn nông thôn mới; vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu; nguồn vốn xi măng ngân sách hỗ trợ; nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường; ngân sách cấp xã hỗ trợ; nguồn đóng góp nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác); phần hạn mức vốn tối đa ngân sách các cấp hỗ trợ đầu tư công trình theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng cho các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Chi phí thuê tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật được xác định theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

c) Quy trình mua sắm, ký hợp đồng cung ứng xi măng

(1) Về việc xác định giá gói thầu trong tổ chức lựa chọn nhà thầu; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm xi măng:

- Đối với gói mua sắm có dự toán mua sắm không quá 50 triệu đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định pháp luật.

- Đối với gói mua sắm có dự toán mua sắm trên 50 triệu đồng: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác định giá gói thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Đấu thầu năm 2023 (được sửa đổi,

bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025).

(2) Về việc lựa chọn nhà thầu: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại mục 1, mục 2 Chương II Luật Đấu thầu năm 2023, Điều 80, Điều 81, Điều 98 và Điều 102 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

(3) Cung ứng xi măng: theo tiến độ thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký nhu cầu, thời gian nhận xi măng gửi đơn vị cung ứng; trực tiếp nhận xi măng tại địa điểm nhận hàng theo hợp đồng đã ký; lập biên bản giao, nhận từng lần, ghi rõ chủng loại xi măng trên bao bì sản phẩm, khối lượng giao nhận.

(4) Thanh toán kinh phí mua xi măng: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thanh toán kinh phí mua xi măng cho đơn vị cung ứng theo hợp đồng đã ký đảm bảo theo quy định hiện hành. Chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 11 năm thực hiện phải hoàn thành việc thanh toán để có cơ sở quyết toán và xác định nguồn kinh phí hỗ trợ mua xi măng.

d) Tổ chức thi công, nghiệm thu, phê duyệt quyết toán:

- Lựa chọn đơn vị thi công:

Đối với hỗ trợ xi măng: Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cộng đồng dân cư được hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện. Nếu cộng đồng dân cư không có khả năng hoặc điều kiện thực hiện thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, lựa chọn các tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện nhưng phải được sự thống nhất của cộng đồng dân cư (có biên bản họp thống nhất).

Đối với thi công phục hồi, nâng cấp mặt đường: Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị thi công đủ năng lực đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Việc huy động đóng góp của Nhân dân thực hiện theo các quy định hiện hành; việc thành lập Ban Giám sát cộng đồng, tổ chức thực hiện việc Giám sát cộng đồng theo quy định.

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu vật liệu đầu vào (về chủng loại, chất lượng, khối lượng vật liệu) trong giai đoạn thi công xây dựng; sau khi công trình hoàn thành phải thực hiện nghiệm thu công trình hoàn thành (nêu rõ chiều dài, chiều rộng, độ dày).

- Căn cứ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được duyệt, kết quả nghiệm thu hoàn thành từng công trình, Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành theo quy định trước ngày 30 tháng 11 năm thực hiện; trong đó, chi tiết các nguồn vốn thực hiện (nguồn vốn nông thôn mới; vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu; nguồn vốn xi măng ngân sách hỗ trợ; nguồn kinh phí ngân sách

tỉnh hỗ trợ phục hồi, nâng cấp mặt đường; ngân sách xã hỗ trợ; nguồn đóng góp Nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác).

đ) Xác định kinh phí hỗ trợ:

- Ủy ban nhân dân cấp xã: căn cứ khối lượng xi măng thực tế giao, nhận với đơn vị cung ứng (phiếu giao, nhận), khối lượng xi măng đã phân bổ cho các công trình, khối lượng xi măng theo kế hoạch hỗ trợ; chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 11 năm thực hiện, kiểm tra hồ sơ (thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm e Mục 5 Phần V), hiện trường, thẩm định, tổng hợp, phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện: chính sách hỗ trợ xi măng (chi tiết theo từng tuyến: chiều dài, chiều rộng, chiều dày, khối lượng xi măng, kinh phí ngân sách hỗ trợ mua xi măng); chính sách phục hồi, nâng cấp mặt đường chi tiết theo từng tuyến đường bao gồm chiều dài, chiều rộng, chiều dày và diện tích, tổng hợp kết quả nghiệm thu khối lượng, quyết toán công trình hoàn thành, gửi Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường (theo lĩnh vực phụ trách) trước ngày 30 tháng 11 năm thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc kiểm tra, thẩm định, tổng hợp, phê duyệt và báo cáo kết quả khối lượng thực hiện các chính sách trên.

- Cấp tỉnh:

+ Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo lĩnh vực phụ trách: trên cơ sở báo cáo kết quả và đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, thực hiện kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng, khối lượng và kinh phí mua xi măng ngân sách tỉnh hỗ trợ, gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 12 năm thực hiện.

+ Sở Xây dựng: trên cơ sở báo cáo kết quả và đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, thực hiện kiểm tra, tổng hợp khối lượng, kinh phí thực hiện phục hồi, nâng cấp mặt đường gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 12 năm thực hiện.

+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: căn cứ kết quả báo cáo của các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng và chính sách phục hồi, nâng cấp mặt đường gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 12 năm thực hiện.

+ Sở Tài chính: trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp hỗ trợ phần kinh phí còn lại (nếu có) cho các địa phương; thu hồi số kinh phí còn thừa (nếu có) về ngân sách tỉnh theo quy định.

e) Hồ sơ hỗ trợ:

- Kế hoạch thực hiện Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Biên bản kiểm tra hiện trạng công trình (khi Ủy ban nhân dân xã đề xuất đăng ký kế hoạch) của Ủy ban nhân dân cấp xã có sự tham gia của đại diện thôn.

- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (kèm theo hồ sơ và Báo cáo thẩm định của cơ quan có thẩm quyền).

- Hợp đồng thi công.

- Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào, nghiệm thu giai đoạn xây dựng;

- Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành (trong đó: đối với chính sách hỗ trợ xi măng nêu rõ chiều dài, chiều rộng, độ dày từng tuyến, khối lượng xi măng sử dụng xây dựng công trình; đối với chính sách phục hồi, nâng cấp mặt đường nêu rõ chiều dài, chiều rộng, chiều dày, diện tích thực hiện).

- Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành (kèm theo hồ sơ);

- Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu công trình hoàn thành của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng; phục hồi, nâng cấp mặt đường của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ngoài ra, đối với chính sách hỗ trợ xi măng bổ sung thêm: tổng hợp khối lượng theo chủng loại xi măng giao nhận; kèm theo Hợp đồng cung ứng xi măng giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị cung ứng; Quyết định phân bổ khối lượng xi măng của Ủy ban nhân dân cấp xã cho các thôn, công trình; phiếu giao nhận xi măng giữa đơn vị cung ứng và Ủy ban nhân dân cấp xã (chi tiết chủng loại xi măng, khối lượng, thời gian, địa điểm giao nhận); Biên bản giao nhận xi măng giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và các thôn.

g) Về nộp và lưu trữ hồ sơ:

Ủy ban nhân dân cấp xã nộp đầy đủ 01 (một) bộ hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc hoặc nộp trực tiếp cho các sở, ngành phụ trách lĩnh vực chính sách).

Lưu hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã lưu 01 bộ (trong đó nếu thành phần hồ sơ chỉ có 01 bản gốc thì Ủy ban nhân dân cấp xã lưu bản gốc); các sở, ngành phụ trách lĩnh vực chính sách lưu 01 bộ bằng bản photo./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH